

THÔNG TƯ

Quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư Quy định thực hiện phát triển điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió như sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió tại Việt Nam (sau đây gọi là Hợp đồng mua bán điện mẫu).

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- a) Chủ đầu tư dự án điện gió;
- b) Các tổ chức phát triển dự án điện gió để kinh doanh mua, bán điện;
- c) Đơn vị quản lý và vận hành các công trình điện gió;
- d) Bên mua điện;
- đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bên mua điện* là Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị trực thuộc được ủy quyền.

2. *Bên bán điện* là doanh nghiệp sản xuất, vận hành kinh doanh bán điện từ các dự án điện gió.

3. *Đơn vị quản lý và vận hành các công trình điện gió* là tổ chức trực tiếp thực hiện quản lý và vận hành dự án điện gió nổi lưới hoặc không nổi lưới. Tổ chức này có thể là chủ đầu tư hoặc đơn vị được chủ đầu tư dự án thuê hoặc giao thực hiện quản lý và vận hành dự án điện gió.

4. *Diện tích đất cho khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án điện gió* là phần diện tích giới hạn trong ranh giới địa lý được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại văn bản chấp thuận cho nhà đầu tư thực hiện khảo sát, nghiên cứu đánh giá tiềm năng gió để lập dự án đầu tư điện gió trong một thời hạn cho phép. Diện tích này chỉ được phép sử dụng cho các hoạt động khảo sát, nghiên cứu như xây dựng cột đo gió, khảo sát địa chất, địa hình (nếu có).

5. *Diện tích sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió* là tổng diện tích của móng trụ tuabin gió, diện tích hành lang bảo vệ móng trụ tuabin gió, hành lang tuyến các đường dây tải điện, các trạm biến áp và diện tích hành lang bảo vệ trạm biến áp, diện tích xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ và nhà quản lý điều hành. Diện tích sử dụng đất có thời hạn được cơ quan có thẩm quyền giao cho chủ đầu tư dự án trong toàn bộ đời dự án.

6. *Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió* là phần diện tích Chủ đầu tư được phép sử dụng tạm thời cho việc thi công dự án điện gió, bao gồm: đường tạm phục vụ thi công, bãi tập kết vật tư thiết bị, khu vực thi công, lán trại tạm công nhân và các địa điểm phụ trợ khác. Sau khi hoàn thành công trình, phần diện tích sử dụng đất tạm thời không thuộc phần diện tích sử dụng đất có thời hạn sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thu hồi để sử dụng cho các mục đích khác.

7. *Hành lang an toàn công trình điện gió* là hành lang an toàn của cột tháp gió, đường dây truyền tải điện; trạm biến áp và các hạng mục phụ trợ.

8. *Hành lang an toàn của tuabin gió* là hình tròn, có tâm là chân cột tháp gió, bán kính tối thiểu bằng chiều cao cột tháp gió cộng với bán kính cánh quạt tuabin.

Chương II

PHÁT TRIỂN DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ

Điều 3. Danh mục các dự án điện gió

1. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng cục Năng lượng chủ trì lập và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt ban hành Danh mục các dự án điện gió sẽ được phép phát triển trong năm tiếp theo và dự kiến trong năm (05) năm tiếp theo.

2. Dự án điện gió trong Danh mục các dự án điện gió đưa vào vận hành hàng năm và trong chu kỳ quy hoạch phải phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh đã được phê duyệt trong từng giai đoạn.

3. Danh mục các dự án điện gió được lập và phân loại căn cứ trên tiềm năng phát triển điện gió của địa phương và cả nước, số lượng các dự án đăng ký phải theo nguyên tắc ưu tiên huy động các dự án có hiệu quả kinh tế, tài chính cao, có phương án đầu nối và giải tỏa công suất vào hệ thống tốt, có mặt bằng sạch, dự án đăng ký trước sẽ được xem xét cho phát triển trước.

4. Danh mục các dự án điện gió bao gồm các thông tin liên quan, gồm: tên dự án, vị trí, diện tích và ranh giới khu vực phát triển dự án điện gió, quy mô công suất của từng dự án điện gió, dự kiến phương án đầu nối các dự án điện gió vào hệ thống điện quốc gia, dự kiến tiến độ và thời điểm vào vận hành dự án.

5. Trên cơ sở Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh được duyệt, Danh mục các dự án điện gió phải được cập nhật vào danh mục các dự án nguồn điện trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh và phải quy định phương án đầu nối cụ thể các dự án điện gió vào hệ thống điện quốc gia.

Điều 4. Đề xuất dự án điện gió mới vào quy hoạch phát triển điện gió

1. Dự án điện gió được phép đề xuất cho những khu vực, vùng dự án chưa có trong Danh mục các dự án điện gió được duyệt. Quy mô của dự án điện gió đề xuất phải phù hợp với khu vực tiềm năng đã được duyệt của Quy hoạch điện gió quốc gia hoặc Quy hoạch điện gió cấp tỉnh nơi có dự án đề xuất.

2. Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án điện gió theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là UBND cấp tỉnh) nơi có dự án. Trên cơ sở đề xuất dự án, UBND cấp tỉnh lập Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển điện gió (sau đây gọi là Hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch) theo quy định tại khoản 5 Điều này báo cáo Bộ Công Thương.

3. Tổng cục Năng lượng chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định Hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp cần thiết, Tổng cục Năng lượng được

phép thuê tư vấn thẩm định, tư vấn phản biện phục vụ công tác thẩm định. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Tổng cục Năng lượng báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

4. Căn cứ quy mô dự án, Bộ trưởng Bộ Công Thương sẽ xem xét, phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển điện gió và chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện gió và chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

5. Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển điện gió:

Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào quy hoạch điện gió bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch UBND cấp tỉnh đề nghị bổ sung dự án vào quy hoạch dự án điện gió;

b) Thông tin cơ bản về chủ đầu tư: Các tài liệu về tư cách pháp lý, đăng ký kinh doanh, nhân sự chủ chốt, kinh nghiệm thực hiện dự án, năng lực tài chính, kỹ thuật, trong đó cần kê khai danh sách các dự án đã thực hiện (bao gồm các dự án công nghiệp và dự án điện) trong vòng năm năm gần nhất và báo cáo tài chính được kiểm toán của doanh nghiệp trong vòng ba năm gần nhất;

c) Thông tin về dự án điện gió đề xuất:

- Sự cần thiết phải đầu tư xây dựng dự án, các điều kiện thuận lợi và khó khăn, chế độ khai thác và sử dụng tài nguyên quốc gia (nếu có);

- Mô tả dự án: vị trí, quy mô và diện tích xây dựng công trình, các hạng mục công trình thuộc dự án; các nội dung về quy hoạch ngành, quy hoạch địa phương;

- Báo cáo kết quả đo gió tại các vị trí thuộc phạm vi dự án trong thời gian tối thiểu 12 tháng liên tục theo quy định tại khoản 4, Điều 5 Thông tư này;

- Sơ bộ các giải pháp thực hiện, bao gồm: phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất; phương án đầu nối; phương án lắp đặt thiết bị; tiến độ thực hiện và hình thức quản lý dự án; phương án chung về bồi thường tái định cư và phương án hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật nếu có; kế hoạch và phương án chi phí;

- Đánh giá tác động môi trường, các giải pháp phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng;

- Tổng mức đầu tư của dự án; khả năng thu xếp vốn, nguồn vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ; phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án.

d) Ý kiến của Tổng Công ty điện lực vùng hoặc đơn vị truyền tải điện (nếu đấu nối vào hệ thống điện truyền tải) về Hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch.

Điều 5. Yêu cầu về đo gió và báo cáo kết quả đo gió

1. Việc đo gió được thực hiện tại các vị trí tiêu biểu đại diện, thuộc phạm vi diện tích dự án trong thời gian tối thiểu là mười hai (12) tháng liên tục. Số lượng cột đo gió phải đảm bảo phù hợp với sự thay đổi địa hình khu vực dự án. Đối với dự án có công suất dự kiến lớn hơn năm mươi (50) MW (diện tích đất sử dụng cho nghiên cứu đánh giá tiềm năng gió lớn hơn một nghìn (1000) ha, nhà đầu tư phải lắp đặt và vận hành ít nhất hai (02) cột đo gió trong khu vực dự án.

2. Đối với dự án điện gió thuộc danh mục các dự án nguồn điện của quy hoạch phát triển điện lực hoặc quy hoạch phát triển điện gió tỉnh đã được phê duyệt, nhà đầu tư phải có kết quả nghiên cứu, đánh giá tiềm năng gió trước khi lập và phê duyệt dự án đầu tư. Trường hợp quy hoạch phát triển điện gió các cấp đã có bộ số liệu đo gió đầy đủ tại vị trí dự án, nhà đầu tư có thể sử dụng bộ số liệu này cho công tác lập và phê duyệt dự án đầu tư. Trường hợp quy hoạch phát triển điện gió các cấp chưa có bộ số liệu đo gió đầy đủ, nhà đầu tư phải thực hiện nghiên cứu, đánh giá tiềm năng gió theo quy định.

3. Đối với các dự án điện gió mới được đề xuất chưa có trong Danh mục các dự án của Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh được duyệt, nhà đầu tư thực hiện đo gió theo quy định sau khi được sự cho phép của UBND cấp tỉnh để làm cơ sở lập Hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án điện gió và lập dự án đầu tư điện gió.

4. Báo cáo kết quả đo gió bao gồm các nội dung về phương pháp luận thực hiện, thời gian thực hiện đo gió, phương thức thực hiện, mô tả thiết bị, bộ số liệu kết quả đo gió và phân tích kết quả đo gió. Bộ số liệu đo gió đúng tiêu chuẩn và đủ số lượng đại diện, đầy đủ các thông tin về thống kê tốc độ gió, tần suất gió, hoa gió, bản đồ phân bố năng lượng, độ ẩm không khí, bức xạ mặt trời, áp suất khí quyển. Bộ số liệu đo gió phải được thu thập từ các cột đo gió có độ cao tối thiểu là sáu mươi (60) m, tần suất thu thập mười (10) phút/lần, chu kỳ thu thập tối thiểu mười hai (12) tháng tại các điểm đo trong phạm vi diện tích dự án tại vị trí thuộc dự án.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Sở Công Thương và Tổng cục Năng lượng Báo cáo kết quả đo gió (bao gồm bộ số liệu gốc) trong vòng mười tám (18) tháng kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cho phép tiến hành nghiên cứu đánh giá tiềm năng gió tại vị trí dự án.

Điều 6. Dự án đầu tư phát triển điện gió

1. Chủ đầu tư chỉ được lập các dự án đầu tư điện gió thuộc Danh mục các dự án điện gió được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Nội dung dự

án đầu tư điện gió theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng công trình và theo quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Đối với các dự án điện gió được phân kỳ đầu tư theo các giai đoạn khác nhau và tổng công suất từng giai đoạn với thời điểm vào vận hành phát điện theo từng năm khác nhau, chủ đầu tư có trách nhiệm lập dự án đầu tư theo từng giai đoạn dự án. Trường hợp thời điểm vào vận hành của dự án dự kiến có sai lệch quá sáu (6) tháng so với tiến độ quy định trong quy hoạch phát triển điện gió, nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Năng lượng xem xét, thông qua.

3. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của các dự án điện gió không được thấp hơn hai mươi phần trăm (20 %) tổng mức đầu tư.

4. Nội dung dự án đầu tư điện gió theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình, bao gồm những nội dung chính sau:

a) Báo cáo kết quả đo gió theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư này;

b) Diện tích sử dụng đất cho dự án điện gió;

c) Đánh giá ảnh hưởng của phương án đấu nối dự án điện gió đối với hệ thống điện khu vực;

d) Kế hoạch và phương án chi phí, kỹ thuật phục vụ tháo dỡ và xử lý thiết bị nhà máy điện gió sau khi kết thúc dự án.

5. UBND cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho chủ đầu tư sau khi có văn bản đồng ý của Bộ Công Thương về sự phù hợp của dự án điện gió đối với quy hoạch phát triển điện gió các cấp và Danh mục các dự án điện gió được duyệt.

Điều 7. Điều kiện khởi công xây dựng công trình dự án điện gió

Dự án điện gió chỉ được khởi công xây dựng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình và đảm bảo đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Có Hợp đồng mua bán điện đã ký với Bên mua điện.

3. Có Thỏa thuận đấu nối với Đơn vị phân phối hoặc Đơn vị truyền tải điện.

4. Có hợp đồng cung cấp tài chính và cam kết về nguồn vốn để bảo đảm tiến độ xây dựng công trình đúng với tiến độ đã được phê duyệt trong dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 8. Chấm dứt thực hiện dự án điện gió

Chấm dứt thực hiện dự án điện gió được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

1. Trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu chủ đầu tư không khởi công xây dựng hạng mục chính của công trình, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét đề thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và báo cáo Bộ Công Thương. Trường hợp có lý do chính đáng, dự án có thể được chấp thuận kéo dài tiến độ nhưng không quá mười hai (12) tháng so với tiến độ ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Tối đa hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày cam kết vận hành trong Giấy chứng nhận đầu tư, nếu dự án chưa đi vào vận hành phát điện thương mại thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét quyết định chấm dứt dự án đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư mà không chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho chủ đầu tư và báo cáo Bộ Công Thương về quyết định chấm dứt dự án đầu tư.

Điều 9. Chế độ báo cáo và quản lý vận hành

1. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi dự án đầu tư được phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi một bộ Hồ sơ về dự án đầu tư điện gió hoàn chỉnh (bao gồm một (01) bản in và một (01) bản điện tử) về Tổng cục Năng lượng và Sở Công Thương để quản lý, theo dõi thực hiện.

2. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm gửi một (01) bản sao Giấy chứng nhận đầu tư cho Tổng cục Năng lượng để theo dõi quản lý.

3. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán điện với chủ đầu tư, Bên bán điện có trách nhiệm gửi một (01) bản sao hợp lệ Hợp đồng mua bán điện cho Tổng cục Năng lượng, Bộ Công Thương để theo dõi, quản lý.

4. Trong thời gian xây dựng dự án điện gió, trước ngày 15 của tháng đầu quý, Chủ đầu tư phải có báo cáo về tình hình triển khai thực hiện dự án của quý trước, kế hoạch thực hiện của quý tiếp theo. Hàng năm, trước ngày 15 tháng 01, chủ đầu tư phải có báo cáo về tình hình triển khai thực hiện dự án trong năm trước, kế hoạch triển khai của năm tiếp theo. Các báo cáo này của chủ đầu tư phải gửi đồng thời cho Tổng cục Năng lượng và Sở Công Thương để quản lý, theo dõi thực hiện.

5. Trong giai đoạn vận hành, trước ngày 31 tháng 5 hàng năm, Chủ đầu tư phải báo cáo về sản lượng điện năng sản xuất từ nhà máy điện gió trong năm trước và ước tính sản lượng điện trong năm tiếp theo gửi Tổng cục Năng

lượng để tổng hợp đăng ký kinh phí hỗ trợ giá điện gió cho năm tiếp theo từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam.

6. Sau khi dự án điện gió được hoàn thành đưa vào vận hành thương mại, chủ đầu tư phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý vận hành các công trình điện và bảo vệ môi trường.

Điều 10. Trang thiết bị và hiệu suất của trang trại điện gió

1. Thiết bị đo gió và thiết bị công trình điện gió phải đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế IEC hoặc các tiêu chuẩn tương đương.

2. Tuabin gió phải là tuabin chưa qua sử dụng, có thời gian xuất xưởng không quá năm (05) năm, có Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận sản xuất phù hợp. Trường hợp dự án điện gió sử dụng tuabin đã qua sử dụng thì phải báo cáo Bộ Công Thương phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, quyết định.

3. Hiệu suất của trang trại gió (bố trí tuabin gió) không thấp hơn chín mươi phần trăm (90%).

Điều 11. An toàn công trình

1. Phạm vi công trình điện gió bao gồm khu vực các cột tháp gió, đường dây truyền tải điện, trạm biến áp và các hạng mục phụ trợ khác.

2. Hành lang an toàn công trình điện gió, hành lang an toàn của tuabin gió, hành lang an toàn đường dây và trạm biến áp phải tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trang thiết bị điện, quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và các quy định pháp luật về an toàn công trình điện.

3. Nghiêm cấm xây dựng các hạng mục công trình (khu vực dân cư, cơ sở công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình nhà ở, trường học, đường phố, đường sắt, đường dây điện, đường thông tin tín hiệu...) vi phạm hành lang an toàn công trình điện gió.

Điều 12. Diện tích chiếm đất

1. Đất sử dụng trong quá trình phát triển dự án điện gió bao gồm: diện tích đất cho khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án điện gió; diện tích sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió; diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió.

2. Diện tích đất sử dụng đất cho dự án điện gió phải phù hợp với quy mô công suất công trình. Suất sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió không quá không phẩy năm (0,5) ha/MW. Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió không quá không phẩy bảy (0,7 ha/MW). Trường hợp đường vào dự án có địa hình phức tạp, cần phải được mở rộng để tạo thuận lợi cho việc vận chuyển tuabin, cột gió trong giai đoạn xây dựng và vận hành, UBND

cấp tỉnh xem xét cho phép suất sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió tối đa đến một (01) ha/MW.

Điều 13. Quản lý sử dụng đất trong khu vực công trình điện gió

1. Đất sử dụng trong khu vực công trình điện gió phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và không chồng lấn với các quy hoạch khác đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

2. Ưu tiên phát triển công trình điện gió ở các vị trí đất khô cằn, sỏi đá, ít có giá trị nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dân cư thưa thớt hoặc không có người sinh sống.

3. Đất sử dụng có thời hạn của công trình điện gió không thuộc các loại sau:

a) Đất ở, đất cơ quan;

b) Khu vực an ninh, quốc phòng;

c) Khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh;

d) Khu vực hạ tầng giao thông, bao gồm đường hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy và các công trình giao thông khác.

4. Sau khi công trình điện gió đi vào vận hành, chủ đầu tư phải phục hồi nguyên trạng diện tích chiếm dụng tạm thời và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý.

5. UBND cấp tỉnh có thể cho phép sử dụng đất tại khu vực dự án điện gió cho các mục đích phù hợp (trồng trọt, canh tác nhỏ) và phải đảm bảo an toàn cho việc vận hành các công trình điện gió.

Điều 14. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

1. Công trình điện gió không được vi phạm các di tích khảo cổ, lịch sử, các địa điểm văn hóa, tôn giáo, khu vực sinh thái nhạy cảm, khu vực bảo tồn thiên nhiên.

2. Công trình điện gió phải nằm cách xa khu dân cư ít nhất 300 m.

3. Hoạt động đầu tư phát triển các dự án điện gió phải tuân thủ theo các quy chuẩn môi trường hiện hành.

4. Công trình điện gió không được ảnh hưởng đến giao thông hàng không, các loại sóng vô tuyến, viễn thông điện tử của các khu dân cư và các công trình xung quanh.

5. Tuabin và cột tháp điện gió phải có màu sáng, không phản quang. Không được thực hiện quảng cáo trên tuabin điện gió.

6. Chủ đầu tư phải có trách nhiệm phục hồi môi trường sau khi tháo dỡ công trình điện gió.

Chương III

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ

Điều 15. Đăng ký hỗ trợ giá điện hàng năm cho các nhà máy điện gió nối lưới

1. Trước ngày 31 tháng 5 hàng năm, Bên mua điện có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Năng lượng:

a) Tổng hợp thông tin về các nhà máy điện gió đã ký hợp đồng mua bán điện cho năm tiếp theo (tên nhà máy, chủ đầu tư, công suất, sản lượng, vị trí, diện tích, số hợp đồng, ngày ký hợp đồng);

b) Sản lượng điện năng đã mua từ các nhà máy điện gió trong năm trước;

c) Dự kiến sản lượng điện năng sẽ mua từ các nhà máy điện gió trong năm hiện tại và năm tiếp theo của từng nhà máy và dự kiến tổng số tiền được hỗ trợ giá điện theo quy định.

2. Tổng cục Năng lượng rà soát, tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét gửi Bộ Tài nguyên Môi trường và Bộ Tài chính để đăng ký kinh phí hỗ trợ giá điện từ ngân sách trung ương.

Điều 16. Hiệu chỉnh mức giá mua điện gió

Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm, căn cứ vào chi phí và giá điện chung của hệ thống, Tổng cục Năng lượng đề xuất phương án hiệu chỉnh mức giá mua điện ưu đãi từ các dự án điện gió tại điểm giao nhận điện và mức hỗ trợ giá điện báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Điều 17. Hỗ trợ đối với dự án điện gió không nối lưới

1. Nguyên tắc và điều kiện xem xét hỗ trợ dự án điện gió không nối lưới:

a) Đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường;

b) Dự án hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành;

c) Một số số liệu đầu vào chủ yếu cho tính toán giá điện và đơn giá hỗ trợ cho dự án điện gió được xem xét trên nguyên tắc sau:

- Trường hợp công suất đặt của dự án lớn hơn công suất yêu cầu thực tế của lưới điện khu vực, thì sản lượng điện phát thực tế của năm trước và sản lượng dự kiến phát trong các năm tiếp theo được sử dụng làm cơ sở để xác định đơn giá hỗ trợ. Đối với các dự án khác, sản lượng điện phát lấy theo sản lượng phát thực tế hoặc sản lượng phát dự kiến trong dự án đầu tư đã được duyệt, lấy số lớn hơn;

- Tổng mức đầu tư dự án lấy theo tổng mức đầu tư trong dự án đầu tư được duyệt nhưng không lớn hơn năm mươi một (51) triệu đồng/kW (tương đương hai nghìn năm trăm (2.500) USD/kW);

- Chi phí khấu hao theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trình tự đăng ký hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió không nổi lưới:

a) Chủ đầu tư dự án điện gió không nổi lưới lập Hồ sơ đề nghị hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió không nổi lưới gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục Năng lượng. Số lượng hồ sơ yêu cầu: mười (10) bộ hồ sơ và một (01) CD/DVD/USB chứa file mềm Hồ sơ đề nghị hỗ trợ và các tài liệu kèm theo.

b) Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Năng lượng chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định Hồ sơ đề nghị hỗ trợ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, Tổng cục Năng lượng được phép thuê tư vấn thẩm định, tư vấn phản biện phục vụ công tác thẩm định.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận Hồ sơ đề nghị hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió không nổi lưới, Tổng cục Năng lượng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc làm lại hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió không nổi lưới bao gồm:

a) Dự án đầu tư trong đó có các thuyết minh về phương án giá điện và các nội dung chính về sự cần thiết và đánh giá hiệu quả của phương án hỗ trợ;

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu, đánh giá tiềm năng gió trong thời gian tối thiểu là 12 tháng liên tục tại vị trí trong phạm vi dự án;

c) Kế hoạch vận hành và Kế hoạch kinh doanh;

d) Kế hoạch và phương án chi phí, kỹ thuật phục vụ tháo dỡ và xử lý thiết bị nhà máy điện gió sau khi kết thúc dự án;

đ) Ý kiến của UBND cấp tỉnh về nội dung Hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

e) Ý kiến của Tổng Công ty Điện lực nơi có dự án về nội dung Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư phát triển dự án.

Chương IV

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU CHO CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ NỔI LƯỚI

Điều 18. Điều kiện áp dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió

1. Việc sử dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió là bắt buộc trong mua bán điện giữa các dự án điện gió nối lưới và Bên mua.

2. Các dự án điện gió có toàn bộ điện năng được sản xuất từ nguồn năng lượng gió.

Điều 19. Nội dung của Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió

1. Nội dung Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bên bán và Bên chỉ được bổ sung nội dung của Hợp đồng mua bán điện mẫu để làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên mà không được làm thay đổi nội dung cơ bản của Hợp đồng mua bán điện mẫu.

**CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Năng lượng có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Tổng cục Năng lượng phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan xem xét và đề xuất Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư.

2. UBND cấp tỉnh theo dõi, giám sát, kiểm tra việc hoạt động phát triển các dự án điện gió tại địa phương theo quy hoạch phát triển điện gió được phê duyệt, phù hợp với các quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2012.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website: Bộ Công Thương; Tổng cục Năng lượng;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Dương Quang

- Các Tổng Công ty Điện lực;
- Lưu VT, TCNL, PC.

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU
CHO CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ NỔI LƯỚI**

GIỮA

BÊN BÁN
(Ghi tên)

VÀ

BÊN MUA
(Ghi tên)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2012/TT-BCT
ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

MỤC LỤC

Điều 1. Định nghĩa	17
Điều 2. Giao nhận, mua bán điện và vận hành	19
Điều 3. Đấu nối, đo đếm và vận hành nhà máy điện	22
Điều 4. Lập hoá đơn và thanh toán	24
Điều 5. Phối hợp xử lý trong trường hợp bất khả kháng	26
Điều 6. Thời hạn hợp đồng, các hành vi vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại và đình chỉ thực hiện hợp đồng	27
Điều 7. Giải quyết tranh chấp	29
Điều 8. Ủy thác, chuyển nhượng và tái cơ cấu	30
Điều 9. Các thoả thuận khác	31
Điều 10. Cam kết thực hiện	
Phụ lục A. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN	32
Phụ lục B. YÊU CẦU ĐẤU NỐI HỆ THỐNG	35
Phụ lục C. HỆ THỐNG ĐO ĐẾM VÀ THU THẬP SỐ LIỆU	36
Phụ lục D. TIỀN ĐIỆN THANH TOÁN	38

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../.../QĐ-BCT ngày tháng năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió;

Căn cứ nhu cầu mua, bán điện của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm , tại

Chúng tôi gồm:

Bên bán: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Mã số thuế: _____

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____

_____ theo văn bản ủy quyền

số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Bên

mua:

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Mã số thuế: _____

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____
_____ theo văn bản ủy quyền
số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện để mua, bán điện theo các nội dung sau:

Điều 1. Định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bên bán:

2. Bên mua:

3. Bên cho vay là các cá nhân, tổ chức cho Bên bán hoặc Bên mua vay vốn để thực hiện Hợp đồng này. Danh sách Bên cho vay được các bên thông báo cho nhau theo Điều 6 của Hợp đồng này.

4. Bên hoặc các bên là Bên bán, Bên mua hoặc cả hai bên hoặc đơn vị tiếp nhận các quyền và nghĩa vụ của một bên hoặc các bên trong Hợp đồng này.

5. Điểm đấu nối là vị trí mà đường dây của Bên bán điện đấu nối vào hệ thống điện của Bên mua điện..

6. Điểm giao nhận điện là điểm đo đếm sản lượng điện bán ra của Bên bán điện (điểm đo đếm của Hệ thống đo đếm chính hoặc dự phòng tại Nhà máy điện) được quy định tại Phụ lục C.

7. Điện năng mua bán là điện năng của nhà máy điện phát ra theo khả năng phát lớn nhất có thể của nhà máy đã trừ đi lượng điện năng cho tự dùng của nhà máy điện trong khoảng thời gian nhất định tại Điểm giao nhận điện, tính bằng kWh, được Bên bán đồng ý bán và giao cho Bên mua, theo quy định trong Phụ lục C của Hợp đồng này.

8. Hợp đồng là bao gồm văn bản này và các Phụ lục kèm theo.

9. Lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng là lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng kỳ hạn 01 tháng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

10. Năm hợp đồng là năm được tính theo năm dương lịch 12 tháng tính từ ngày đầu tiên của tháng 01 và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 năm đó, trừ trường hợp đối với năm hợp đồng đầu tiên được tính bắt đầu từ ngày vận hành thương mại và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 của năm đó. Năm hợp đồng cuối cùng kết thúc vào ngày cuối cùng của thời hạn Hợp đồng.

11. Ngày đến hạn thanh toán là thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên mua nhận được hóa đơn thanh toán tiền điện của Bên bán.

12. Ngày vận hành thương mại là ngày Bên bán thông báo cho Bên mua về việc có thể bắt đầu giao điện năng phù hợp với các nội dung của Hợp đồng này hoặc là ngày mà Bên bán bắt đầu giao điện năng cho Bên mua phù hợp với Hợp đồng này và Bên mua phải thanh toán cho lượng điện năng được giao đó.

13. Dự án điện gió nổi lưới là dự án điện gió được đấu nối vào hệ thống điện quốc gia để cung cấp điện năng sản xuất cho lưới điện quốc gia.

14. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện là những quy định, tiêu chuẩn, thông lệ được áp dụng trong ngành điện do các tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam ban hành hoặc các quy định, tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế, các nước trong vùng ban hành phù hợp với quy định pháp luật, khuyến nghị của nhà sản xuất thiết bị, có tính đến điều kiện vật tư, nguồn lực, nhiên liệu, kỹ thuật chấp nhận được đối với ngành điện Việt Nam tại thời điểm nhất định.

15. Quy định vận hành hệ thống điện quốc gia là các quy định pháp luật hiện hành về vận hành hệ thống điện quốc gia bao gồm: Thông tư số

09/2010/TT-BCT ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định trình tự thủ tục lập, phê duyệt và giám sát thực hiện kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia (sau đây gọi là Thông tư 09/2010/TT-BCT); Thông tư số 12/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải (sau đây gọi là Thông tư 12/2010/TT-BCT); Thông tư số 32/2010/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối (sau đây gọi là Thông tư 32/2010/TT-BCT) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các thông tư này.

16. Trường hợp khẩn cấp là tình huống có thể gây gián đoạn dịch vụ cung cấp điện cho khách hàng của Bên mua, bao gồm các trường hợp có thể gây ra hỏng hóc lớn trong hệ thống điện quốc gia, có thể đe dọa đến tính mạng, tài sản hoặc làm ảnh hưởng đến khả năng kỹ thuật của nhà máy điện.

Điều 2. Giao nhận, mua bán điện và vận hành

1. Giao nhận điện

Kể từ ngày vận hành thương mại, Bên bán đồng ý giao và bán điện năng cho Bên mua, Bên mua đồng ý mua điện năng của Bên bán theo quy định của Hợp đồng này. Phương thức xác nhận sản lượng điện giao nhận tại Phụ lục C của Hợp đồng này.

Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện phát lên lưới của Bên mua theo giá mua điện quy định tại khoản 2 Điều này.

Bên bán được hưởng các lợi ích liên quan đến môi trường theo quy định pháp luật và các điều ước quốc tế.

2. Giá mua bán điện

Giá mua bán điện theo Hợp đồng này được áp dụng theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam tại điểm giao nhận điện là một nghìn sáu trăm mười bốn (1.614) đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) tương đương 7,8 UScents/kWh. Bên mua được Nhà nước hỗ trợ giá điện đối với toàn bộ sản lượng điện năng mua bán từ các nhà máy điện gió là hai trăm linh bảy (207) đồng/kWh (tương đương một (1,0) UScents/kWh). Giá mua điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD tại thời điểm thanh toán.

3. Mua bán điện

Bên bán đồng ý vận hành nhà máy điện với công suất khả dụng của thiết bị và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện. Bên bán không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại trực tiếp của Bên mua do Bên bán không cung cấp đủ điện năng mua bán trong trường hợp không do lỗi của

Bên bán. Trường hợp không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mua mà Bên bán giảm điện năng mua bán với mục đích bán điện cho bên thứ ba, hoặc với mục đích khác mà không nhằm sản xuất điện năng mua bán thì Bên bán không được miễn trách nhiệm pháp lý.

4. Kế hoạch vận hành

a) Trước hoặc vào ngày thực hiện Hợp đồng này, Bên bán cung cấp cho Bên mua biểu đồ khả năng phát điện trung bình năm tại thanh cái nhà máy theo từng tháng phù hợp với thiết kế cơ sở của nhà máy điện và cung cấp các biểu đồ khả năng phát theo số liệu gió của các năm trước.

b) Bên bán cung cấp cho Bên mua kế hoạch sản xuất điện năm, bao gồm:
- Kế hoạch vận hành các tháng trong năm (sản lượng điện và công suất khả dụng);
- Lịch bảo dưỡng sửa chữa tô máy các tháng trong năm (nếu có).

c) Bên bán phải cung cấp thông tin về kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa và kế hoạch huy động các tô máy phát điện cho đơn vị điều độ hệ thống điện (theo cấp điều độ có quyền điều khiển) theo quy định pháp luật về vận hành hệ thống điện quốc gia.

5. Ngừng máy

Bên bán thông báo cho Bên mua dự kiến lịch ngừng máy và thời gian ngừng máy để sửa chữa theo kế hoạch và không theo kế hoạch theo quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia.

6. Vận hành lưới điện

a) Bên bán có trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị điện lưới điện theo phạm vi quản lý tài sản xác định tại Thỏa thuận đầu nối với các đơn vị quản lý lưới điện, đảm bảo phù hợp với quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện; và việc mua, bán điện năng theo Hợp đồng mua bán điện.

b) Bên bán phải trao đổi và thống nhất với đơn vị quản lý vận hành hệ thống điện quốc gia (theo cấp điều độ có quyền điều khiển) về kế hoạch huy động nguồn điện và giải pháp để giảm bớt ảnh hưởng tới truyền tải lưới điện khu vực do các ràng buộc liên quan tới phụ tải và lưới điện khu vực.

7. Gián đoạn trong hoạt động nhận và mua điện

Bên mua không phải thực hiện nghĩa vụ mua hoặc nhận điện trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà máy điện của Bên bán vận hành, bảo dưỡng không phù hợp với quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện;

b) Trong thời gian Bên mua lắp đặt thiết bị, sửa chữa, thay thế, kiểm định hoặc kiểm tra lưới điện có liên quan trực tiếp tới đầu nối của nhà máy điện của Bên bán;

c) Lưới điện truyền tải, phân phối đầu nối vào lưới điện của Bên mua có sự cố hoặc các thiết bị lưới điện đầu nối trực tiếp với lưới điện truyền tải, phân phối của Bên mua có sự cố;

d) Lưới điện của Bên mua cần hỗ trợ để phục hồi sau chế độ sự cố phù hợp với quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

8. *Gián đoạn trong hoạt động giao và bán điện*

Bên bán có thể ngừng hoặc giảm lượng điện bán và giao cho Bên mua trong trường hợp lắp đặt thiết bị, sửa chữa, thay thế, kiểm định, kiểm tra hoặc thực hiện sửa chữa Nhà máy điện mà ảnh hưởng trực tiếp đến việc giao điện năng cho Bên mua.

Trước khi tiến hành ngừng hoặc giảm lượng điện giao cho Bên mua, Bên bán phải thông báo trước cho Bên mua ít nhất mười (10) ngày, trong thông báo phải nêu rõ lý do, dự tính thời gian bắt đầu và thời gian gián đoạn giao điện.

9. *Phối hợp*

Bên mua có trách nhiệm giảm thiểu thời gian giảm hoặc ngừng việc nhận điện trong các trường hợp tại khoản 7 Điều này. Trừ trường hợp khẩn cấp, khi thực hiện tạm giảm hoặc ngừng việc nhận điện, Bên mua phải thông báo trước cho Bên bán ít nhất mười (10) ngày, nêu rõ lý do, thời điểm dự kiến bắt đầu và thời gian gián đoạn. Trong trường hợp cần thiết, Bên mua phải chuyển cho Bên bán các lệnh điều độ về vận hành nhận được từ đơn vị điều độ hệ thống điện liên quan đến vận hành nhà máy và Bên bán phải tuân thủ các lệnh đó, trừ trường hợp các lệnh đó làm thay đổi đặc điểm phải huy động của nhà máy.

10. *Hệ số công suất*

Bên bán đồng ý vận hành nhà máy điện đồng bộ với lưới điện của Bên mua để giao điện tại điểm giao nhận, tại mức điện áp và hệ số công suất xác định theo Thông tư 12/2010/TT-BCT và Thông tư 32/2010/TT-BCT tại điểm giao nhận cho Bên mua.

11. *Vận hành đồng bộ*

Bên bán có trách nhiệm thông báo cho Bên mua bằng văn bản ít nhất ba mươi (30) ngày trước khi hòa đồng bộ lần đầu tiên các tổ máy phát điện tại nhà máy điện của Bên bán với lưới điện của Bên mua. Bên bán phải phối hợp

vận hành với Bên mua tại lần hoà đồng bộ đầu tiên và các lần hoà đồng bộ sau.

12. Tiêu chuẩn

Bên bán và Bên mua phải tuân thủ các quy định có liên quan đến giao, nhận điện theo Thông tư 12/2010/TT-BCT và Thông tư 32/2010/TT-BCT, quy định về đo đếm điện và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến ngành điện.

13. Thay đổi ngày vận hành thương mại

Trong thời hạn từ sáu (06) tháng đến mười hai (12) tháng trước ngày vận hành thương mại được ghi trong Phụ lục A, Bên bán phải xác nhận lại chính thức việc thay đổi ngày vận hành thương mại. Các bên phải có sự hợp tác, Bên mua không được từ chối nếu không có lý do chính đáng.

Điều 3. Đấu nối, đo đếm và vận hành nhà máy điện

1. Trách nhiệm tại điểm giao nhận điện

Bên bán có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt các trang thiết bị để truyền tải và giao điện cho Bên mua tại điểm giao nhận điện. Bên mua có trách nhiệm hợp tác với Bên bán thực hiện việc lắp đặt này.

2. Đấu nối

a) Bên bán có trách nhiệm đầu tư, xây dựng, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị đấu nối để đấu nối nhà máy với lưới điện truyền tải, phân phối phù hợp với Quy định về lưới điện truyền tải, phân phối và các quy định khác có liên quan. Bên bán phải chịu chi phí để nâng cấp hệ thống đo đếm tại trạm biến áp để đo điện năng tác dụng và phản kháng theo hai (2) chiều trên đường dây phân phối nối với nhà máy điện theo quy định tại Phụ lục B của Hợp đồng này.

b) Bên mua có quyền xem xét thiết kế, kiểm tra tính đầy đủ của thiết bị bảo vệ. Bên mua phải thông báo cho Bên bán kết quả thẩm định bằng văn bản trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được toàn bộ hồ sơ kỹ thuật liên quan đến thiết kế. Bên mua phải thông báo bằng văn bản tất cả các lỗi thiết kế được phát hiện. Bên bán phải thực hiện các sửa đổi bổ sung do Bên mua đề xuất phù hợp với quy định pháp luật về vận hành hệ thống điện quốc gia và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

3. Tiêu chuẩn đấu nối

Các thiết bị của Bên bán và của Bên mua phải được lắp đặt, vận hành và đấu nối theo quy định pháp luật về vận hành hệ thống điện quốc gia và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

4. Kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn đấu nối

Khi có thông báo trước theo quy định, mỗi bên có quyền kiểm tra thiết bị đấu nối của bên kia để đảm bảo việc thực hiện theo quy định pháp luật về vận hành hệ thống điện quốc gia. Việc kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến hoạt động của bên được kiểm tra. Trong trường hợp thiết bị của bên được kiểm tra không đáp ứng các điều kiện vận hành và bảo dưỡng, bên kiểm tra phải thông báo cho bên được kiểm tra những điểm cần hiệu chỉnh. Bên được kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết khi có yêu cầu hiệu chỉnh hợp lý từ bên kiểm tra.

5. Máy phát kích từ

Nếu nhà máy điện của Bên bán có máy phát kích từ, Bên bán phải lắp đặt tụ điện hiệu chỉnh hệ số công suất riêng cho từng máy phát. Các tụ điện đó phải được đóng và cắt đồng thời với mỗi máy phát kích từ. Trị số định mức KVAR của các tụ điện phải đảm bảo giá trị tiêu chuẩn cao nhất nhưng không vượt quá yêu cầu không tải KVAR của các máy phát. Bên bán phải thanh toán cho Bên mua chi phí điện tiêu thụ để vận hành máy phát kích từ trong trường hợp điện tiêu thụ lấy từ lưới điện của Bên mua theo giá điện bán lẻ ở cấp điện áp tương ứng. Khoản thanh toán này theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

6. Đo đếm

a) Trách nhiệm của Bên bán:

- Lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị đo đếm chính và thiết bị đo đếm dự phòng được sử dụng để đo đếm điện năng và lập hoá đơn;
- Cung cấp địa điểm lắp đặt thiết bị đo đếm, nếu điểm đấu nối tại nhà máy điện.

b) Yêu cầu về thiết bị đo đếm:

- Phù hợp với quy định về đo đếm và các quy định liên quan khác;
- Có khả năng lưu giữ và ghi lại điện năng tác dụng và phản kháng và theo hai chiều;
- Có khả năng truyền các dữ liệu đến các địa điểm theo yêu cầu của Bên mua;
- Được niêm phong kẹp chì, có khả năng ghi và lưu trữ dữ liệu lớn.

7. Ghi chỉ số công tơ

Hàng tháng (hoặc theo chu kỳ ghi chỉ số do hai bên thoả thuận), Bên mua và Bên bán cùng đọc và ghi chỉ số công tơ.

Sau khi đã thông báo theo quy định, Bên mua được vào nhà máy điện hoặc nơi lắp đặt thiết bị đo đếm để ghi chỉ số, kiểm tra công tơ và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng này. Việc Bên mua vào nhà máy phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt

động bình thường của Bên bán. Các nhân viên hoặc Kiểm tra viên điện lực do Bên mua cử đến khi vào nhà máy điện phải tuân thủ các quy định về an toàn và nội quy của nhà máy điện.

8. Kiểm định thiết bị đo đếm

a) Việc kiểm tra, kiểm định thiết bị đo đếm hoặc xác nhận độ chính xác của thiết bị đo đếm phải thực hiện theo quy định về đo đếm điện do tổ chức có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện. Việc kiểm định được tiến hành trước khi sử dụng thiết bị đo đếm lần đầu để ghi điện năng mua bán của nhà máy điện. Tất cả thiết bị đo đếm được niêm phong, kẹp chì và khoá lại sau khi kiểm định và Bên mua có quyền chứng kiến quá trình này.

b) Tất cả các thiết bị đo đếm điện năng mua bán của nhà máy điện phải được kiểm định hàng năm phù hợp với quy định về đo đếm điện, chi phí kiểm định do Bên bán chi trả. Trường hợp cần thiết, một bên có thể đề xuất kiểm định độ chính xác của bất cứ thiết bị đo đếm nào, chi phí kiểm định sẽ do bên đề xuất thanh toán. Kết quả kiểm định thiết bị đo đếm phải được thông báo cho bên kia biết khi được yêu cầu. Trường hợp thiết bị đo đếm có sai số lớn hơn mức cho phép trong các quy định về đo đếm, Bên bán chịu trách nhiệm hiệu chỉnh hoặc thay thế và hoàn trả khoản tiền thu thừa cho Bên mua cộng với tiền lãi của khoản tiền thu thừa tính theo lãi suất cơ bản và chi phí kiểm định thiết bị đo đếm điện. Mỗi bên được thông báo trước và có quyền cử người tham gia dỡ niêm phong, kiểm tra, kiểm định và niêm phong kẹp chì công tơ. Trường hợp một bên cho rằng công tơ bị hỏng hoặc không hoạt động thì bên đó phải thông báo ngay cho bên kia, bên có công tơ phải kiểm tra và sửa chữa.

9. Chuyển quyền sở hữu điện

Tại điểm giao nhận điện, quyền sở hữu điện được chuyển từ Bên bán sang Bên mua. Tại điểm này, Bên mua có quyền sở hữu, kiểm soát và chịu trách nhiệm về lượng điện đã nhận. Điện năng được truyền tải bằng dòng điện xoay chiều ba (3) pha, tần số năm mươi héc (50 Hz) với mức điện áp quy định trong Phụ lục C của Hợp đồng này.

10. Vận hành nhà máy điện

Bên bán phải vận hành nhà máy điện phù hợp với quy định về lưới điện truyền tải, phân phối; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Lập hoá đơn và thanh toán

1. Lập hoá đơn

Hàng tháng (hoặc theo chu kỳ ghi chỉ số do hai bên thoả thuận), Bên mua và Bên bán cùng đọc chỉ số công tơ vào ngày đã thống nhất để xác định lượng điện năng giao nhận trong tháng. Bên bán sẽ ghi chỉ số công tơ theo

mẫu quy định có xác nhận của đại diện Bên mua và gửi kết quả ghi chỉ số công tơ cùng hóa đơn bằng văn bản (hoặc bằng fax có công văn gửi sau hoặc bằng bản sao gửi qua thư) cho Bên mua trong vòng mười (10) ngày làm việc sau khi đọc chỉ số công tơ.

2. Thanh toán

a) Bên mua thanh toán cho Bên bán tiền điện thanh toán theo quy định tại **khoản 2 Điều 2 và Phụ lục D của Hợp đồng này** cho toàn bộ lượng điện năng mua bán không muộn hơn ngày đến hạn thanh toán.

b) Trường hợp Bên mua không thanh toán trong thời hạn nêu trên thì Bên mua có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả. Lãi phạt chậm trả được tính bằng một phẩy năm (1,5) lần lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng kỳ hạn một (01) tháng tính từ ngày sau ngày đến hạn thanh toán.

c) Trường hợp Bên mua không cùng đọc chỉ số công tơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bên mua vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên bán lượng điện năng giao nhận theo quy định.

3. Ước tính lượng điện năng bán

Trường hợp không có đủ dữ liệu cần thiết để xác định lượng điện năng hoặc khoản thanh toán Bên mua nợ Bên bán, trừ các trường hợp nêu tại khoản 4 Điều này, Bên bán phải ước tính các dữ liệu đó và điều chỉnh khoản thanh toán đúng với thực tế trong các lần thanh toán tiếp theo.

4. Thứ tự áp dụng và thay thế chỉ số công tơ

Để xác định lượng điện năng Bên mua đã nhận và chấp nhận trong một kỳ thanh toán, việc ghi sản lượng điện, lập hoá đơn và thanh toán phải dựa trên các số liệu ước tính theo thứ tự sau:

a) Chỉ số công tơ chính tại nhà máy điện trong kỳ thanh toán, có cấp chính xác phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Chỉ số công tơ dự phòng tại nhà máy điện, khi công tơ dự phòng được sử dụng để đo đếm lượng điện năng giao nhận phải có cấp chính xác phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Hợp đồng này;

c) Khi tất cả các công tơ không ghi lại chính xác lượng điện năng giao nhận, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo các số liệu trung bình tháng (nếu có) của nhà máy điện trong cùng kỳ thanh toán của năm trước năm hợp đồng và phải được điều chỉnh hợp lý cho giai đoạn lập hoá đơn cụ thể theo các số liệu có sẵn tương ứng ảnh hưởng đến việc phát điện của nhà máy điện như thông số về gió, hiệu suất tổ máy, số giờ vận hành, thời gian vận hành của tổ máy phát điện và lượng điện tự dùng (gọi chung là “các Thông số vận hành”) trong thời gian công tơ bị hỏng.

Khi không có các số liệu tin cậy, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo lượng điện năng trung bình tháng của nhà máy điện của sáu (06) kỳ

thanh toán ngay trước khi công tơ hư hỏng (hoặc ít hơn nếu nhà máy điện vận hành chưa được sáu tháng) và phải được điều chỉnh theo thời gian ngừng máy hoặc theo các Thông số vận hành.

5. Tranh chấp hóa đơn

a) Trường hợp một bên không đồng ý với toàn bộ hoặc một phần của hóa đơn về sản lượng điện hoặc lượng tiền thanh toán thì có quyền thông báo bằng văn bản tới bên kia trước ngày đến hạn thanh toán. Sau khi có thông báo mà các bên không thỏa thuận giải quyết được thì thời hạn để một hoặc các bên đưa ra tranh chấp là một (01) năm tính từ ngày Bên mua nhận được hóa đơn hợp lệ.

b) Trường hợp việc giải quyết tranh chấp theo khoản 1, 2 Điều 7 của Hợp đồng này mà Bên bán đúng thì Bên mua phải thanh toán cho Bên bán khoản tiền tranh chấp cộng với phần lãi tính theo lãi suất cơ bản, ghép lãi hàng tháng từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày thanh toán số tiền tranh chấp.

Nếu Bên mua đúng thì Bên bán phải hoàn lại số tiền tranh chấp đã nhận trước đó cộng với phần lãi tính theo lãi suất cơ bản, ghép lãi hàng tháng từ ngày nhận được khoản thanh toán đến ngày thanh toán khoản tiền tranh chấp.

Tất cả các thanh toán trong mục này phải được thực hiện trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày có quyết định giải quyết tranh chấp cuối cùng theo Điều 7 của Hợp đồng này.

Điều 5. Phối hợp xử lý trong trường hợp bất khả kháng

1. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm:

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên;

b) Sau ngày vận hành thương mại, Bên bán không thể có được các giấy phép hoặc phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mặc dù đã nỗ lực hợp lý;

c) Thiên tai, hoả hoạn, cháy nổ, lũ lụt, sóng thần, bệnh dịch hay động đất;

d) Bạo động, nổi loạn, chiến sự, chống đối, phá hoại, cấm vận, bao vây, phong tỏa, bất cứ hành động chiến tranh nào hoặc hành động thù địch cộng đồng cho dù chiến tranh có được tuyên bố hay không;

đ) Quốc hữu hóa, sung công hoặc tịch thu tài sản của Bên bán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

e) Những nguyên nhân khác nằm ngoài khả năng kiểm soát và không phải do lỗi của bên viện dẫn sự kiện bất khả kháng.

2. Phối hợp xử lý trong trường hợp bất khả kháng

Trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng, bên viện dẫn bất khả kháng phải:

a) Nhanh chóng gửi thông báo bằng văn bản tới bên kia về sự kiện bất khả kháng, nêu rõ lý do, đưa ra những bằng chứng đầy đủ chứng minh về sự kiện bất khả kháng đó và đưa ra dự kiến về thời gian và tầm ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng tới khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình;

b) Nỗ lực với tất cả khả năng của mình để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Nhanh chóng thực hiện các hành động cần thiết để khắc phục sự kiện bất khả kháng và cung cấp bằng chứng để chứng minh việc đã nỗ lực hợp lý để khắc phục sự kiện bất khả kháng;

d) Thực hiện các biện pháp cần thiết để giảm thiểu tác hại tới các bên trong Hợp đồng;

đ) Nhanh chóng thông báo tới các bên về sự chấm dứt của sự kiện bất khả kháng.

3. Hệ quả của sự kiện bất khả kháng

Trường hợp không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này vì sự kiện bất khả kháng, bên vi phạm sẽ được miễn phần trách nhiệm liên quan tới việc không thực hiện được nghĩa vụ theo Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

4. Thời hạn của sự kiện bất khả kháng

Trường hợp do sự kiện bất khả kháng mà một bên không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này trong thời hạn một (01) năm, bên kia có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thông báo bằng văn bản, trừ khi nghĩa vụ đó được thực hiện trong thời hạn sáu mươi (60) ngày này.

Điều 6. Thời hạn hợp đồng, các hành vi vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại và đình chỉ thực hiện hợp đồng

1. Thời hạn của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết hợp đồng và chấm dứt sau hai mươi (20) năm kể từ Ngày vận hành thương mại. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, các nội dung của Hợp đồng này tiếp tục có hiệu lực trong một thời gian cần thiết để các bên thực hiện việc lập hoá đơn lần cuối, điều chỉnh hoá đơn, thanh toán, các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

2. Các hành vi vi phạm hợp đồng của Bên bán

a) Bên bán không thực hiện được Ngày vận hành thương mại như quy định trong Phụ lục A trong thời hạn ba (03) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Bên bán không thực hiện hoặc tuân thủ các nội dung của Hợp đồng trong thời gian sáu mươi (60) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của Bên mua.

Trường hợp Bên bán hoặc Bên cho vay của Bên bán đã cố gắng khắc phục hành vi vi phạm trong thời hạn sáu mươi (60) ngày trên nhưng việc khắc phục không thể hoàn thành trong thời hạn đó thì Bên bán hoặc Bên cho vay của Bên bán được kéo dài thời hạn khắc phục tối đa là một (01) năm kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm của Bên bán. Bên bán phải tiếp tục hoàn thành khắc phục vi phạm trong thời gian ngắn nhất, trừ các trường hợp được nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này;

c) Bên bán phủ nhận hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng;

d) Vi phạm nghiêm trọng các cam kết của Bên bán theo Điều 10 của Hợp đồng này.

3. Các hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên mua

a) Bên mua không thực hiện hoặc tuân thủ các nội dung của Hợp đồng trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của Bên bán.

Trường hợp Bên mua hoặc Bên cho vay của Bên mua đã cố gắng khắc phục hợp lý hành vi vi phạm trong thời hạn sáu mươi (60) ngày nhưng việc khắc phục không thể hoàn thành trong thời hạn đó thì Bên mua hoặc bên cho vay của Bên mua được phép kéo dài thời hạn khắc phục tối đa là một (01) năm kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm của Bên mua. Bên mua phải tiếp tục hoàn thành khắc phục vi phạm trong thời gian ngắn nhất, trừ các trường hợp được nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này.

b) Bên mua không thanh toán khoản tiền thanh toán không tranh chấp theo Hợp đồng khi đến hạn và việc không thanh toán này tiếp tục kéo dài hơn chín mươi (90) ngày mà không có lý do chính đáng;

c) Bên mua phủ nhận hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng;

d) Vi phạm nghiêm trọng các cam kết của Bên mua tại Điều 10 của Hợp đồng này.

4. Quy trình khắc phục và giải quyết vi phạm hợp đồng

a) Trường hợp có sự kiện vi phạm hợp đồng, bên bị vi phạm phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên vi phạm. Bên vi phạm phải hợp tác để giải quyết sự kiện vi phạm hợp đồng.

b) Bên cho vay của bên vi phạm có quyền chỉ định bên thứ ba hoặc thay thế bên vi phạm để khắc phục vi phạm hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản đến bên bị vi phạm. Trong trường hợp này, việc thay thế không được làm tăng gánh nặng tài chính của bên bị vi phạm. Bên bị vi phạm phải chấp nhận việc thay thế hoặc chỉ định bên thứ ba của Bên cho vay để khắc phục vi

phạm hợp đồng. Bên cho vay của bên vi phạm sẽ thông báo bằng văn bản đến bên bị vi phạm về dự kiến khắc phục vi phạm thay Bên vi phạm và thỏa thuận với Bên bị vi phạm một khoảng thời gian hợp lý tính từ khi có thông báo để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thay bên vi phạm.

5. Bồi thường thiệt hại

a) Bên có hành vi vi phạm hợp đồng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra cho bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

b) Bên bị vi phạm phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

6. Đình chỉ thực hiện hợp đồng

Trường hợp sự kiện vi phạm hợp đồng không giải quyết được theo khoản 4 Điều này, bên bị vi phạm có thể tiếp tục yêu cầu bên vi phạm khắc phục vi phạm hoặc có thể đình chỉ thực hiện hợp đồng bằng cách gửi thông báo đến bên vi phạm. Sau khi bên bị vi phạm lựa chọn đình chỉ thực hiện hợp đồng theo điều kiện của Hợp đồng này, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, trừ các trường hợp được nêu trong khoản 1 của Điều này và bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại.

Trường hợp Bên bán là bên bị vi phạm lựa chọn đình chỉ thực hiện hợp đồng, giá trị bồi thường thiệt hại được tính bằng giá trị sản lượng điện phát thực tế của Bên bán trong thời gian một năm trước đó tính đến thời điểm đình chỉ thực hiện Hợp đồng.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

1. Giải quyết tranh chấp bằng đàm phán

Trường hợp có tranh chấp xảy ra giữa các bên trong Hợp đồng này, thì bên đưa ra tranh chấp phải thông báo cho bên kia bằng văn bản về nội dung tranh chấp và các yêu cầu. Các bên sẽ đàm phán giải quyết tranh chấp trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên đưa ra tranh chấp. Việc giải quyết tranh chấp liên quan đến thanh toán tiền điện được thực hiện trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày có thông báo của bên yêu cầu.

Sau thời hạn nêu trên, nếu không thể thống nhất được, các bên có thể thực hiện giải quyết tranh chấp theo thủ tục được quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 của Điều này hoặc theo quy định của pháp luật.

Cơ chế giải quyết tranh chấp này không áp dụng với những tranh chấp không phát sinh trực tiếp từ Hợp đồng này giữa một bên trong Hợp đồng với các bên thứ ba.

2. Giải quyết tranh chấp bằng hòa giải tại Tổng cục Năng lượng

Sau thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều này mà tranh chấp không được giải quyết bằng đàm phán giữa các bên, một trong hai bên có quyền gửi văn bản tới Tổng cục Năng lượng đề nghị giải quyết tranh chấp bằng hòa giải. Tổng cục Năng lượng chủ trì hòa giải tranh chấp giữa hai bên và thông báo bằng văn bản kết quả hòa giải cho các bên thống nhất thực hiện.

3. Giải quyết tranh chấp trên thị trường điện lực theo quy định của pháp luật

Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng biện pháp đàm phán, hòa giải hoặc một trong các bên không tuân thủ kết quả đàm phán hoặc hòa giải thì một hoặc các bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo quy định tại Thông tư số 40/2010/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp trên thị trường điện lực.

Điều 8. Ủy thác, chuyển nhượng và tái cơ cấu

1. Ủy thác và chuyển nhượng

Trong trường hợp Hợp đồng này được ủy thác hoặc chuyển nhượng thực hiện, quy định về quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực đối với đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền của các bên.

Trong trường hợp Bên bán chuyển nhượng hoặc ủy thác việc thực hiện Hợp đồng phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên mua, trừ trường hợp Bên bán ủy quyền một phần hoặc toàn bộ cho Bên cho vay nhằm mục đích vay, mua trang thiết bị hoặc xây dựng nhà máy điện. Nếu phần ủy thác của Bên bán có giá trị xấp xỉ giá trị các thiết bị có thể vận hành thì đó là việc ủy thác hợp lệ theo Hợp đồng này.

Bên ủy thác hay chuyển nhượng phải thông báo ngay bằng văn bản tới bên kia về việc ủy thác hay chuyển nhượng.

2. Tái cơ cấu

Trong trường hợp tái cơ cấu ngành điện ảnh hưởng tới các quyền hoặc nghĩa vụ của Bên bán hoặc Bên mua trong Hợp đồng này, thì việc thực hiện Hợp đồng sẽ được chuyển sang cho các đơn vị tiếp nhận. Bên mua có trách nhiệm xác nhận và bảo đảm bằng văn bản về việc các đơn vị tiếp nhận thực hiện nghĩa vụ mua điện hoặc phân phối điện và các quyền lợi và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này.

3. Lựa chọn tham gia thị trường điện

Bên bán có quyền lựa chọn tham gia thị trường điện phù hợp với các quy định về thị trường điện cạnh tranh. Trong trường hợp này, Bên bán phải thông báo bằng văn bản trước một trăm hai mươi (120) ngày cho Bên mua, Tổng

cục Năng lượng, Cục Điều tiết điện lực và được đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thông báo theo quy định.

Điều 9. Các thoả thuận khác

1. Sửa đổi Hợp đồng

Các bên không được tự ý sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này, trừ trường hợp có thoả thuận bằng văn bản. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của Thông tư số ...ngày...tháng...năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.

2. Trách nhiệm hợp tác

Bên bán có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan tới nhà máy điện. Bên mua có trách nhiệm hợp tác với Bên bán để có được giấy phép, sự phê chuẩn, sự cho phép và phê duyệt cần thiết từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới địa điểm nhà máy, nhiên liệu, kiểm soát những nguồn tài nguyên, đầu tư, truyền dẫn hoặc bán điện năng, sở hữu và vận hành nhà máy điện, kể cả việc cung cấp các tài liệu bổ sung hoặc các tài liệu ở dạng lưu trữ và thực hiện các hoạt động cần thiết hợp lý khác để thực hiện thoả thuận của các bên.

3. Hợp đồng hoàn chỉnh

Hợp đồng này là thoả thuận hoàn chỉnh cuối cùng giữa các bên tham gia và thay thế các nội dung đã thảo luận, thông tin, thư tín trao đổi trước khi ký kết liên quan tới Hợp đồng này.

4. Luật áp dụng

Việc giải thích và thực hiện Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Sự không thực hiện quyền

Việc một bên không thực hiện quyền của mình theo Hợp đồng này tại bất kì thời điểm nào sẽ không làm ảnh hưởng việc thực thi các quyền theo Hợp đồng về sau. Các bên đồng ý rằng việc tuyên bố không thực hiện quyền của một bên đối với bất kỳ cam kết hoặc điều kiện nào theo Hợp đồng, hoặc bất kỳ sự vi phạm hợp đồng, sẽ không được xem như là bên đó từ bỏ quyền tương tự về sau.

6. Tính độc lập của các nội dung hợp đồng

Trường hợp có nội dung nào trong Hợp đồng này được cho là không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc vô hiệu theo phán quyết của tòa án, thì các nội dung khác của Hợp đồng vẫn có hiệu lực, nếu phần còn lại thể hiện đầy đủ nội dung mà không cần tới phần bị vô hiệu.

7. Thông báo

Bất kỳ thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin khác cần thiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng này phải nêu rõ ngày lập và sự liên quan đến Hợp đồng. Các thông báo, hoá đơn hoặc trao đổi thông tin phải được lập bằng văn bản và được chuyển bằng các dịch vụ bưu điện hoặc fax. Trường hợp gửi bằng fax thì phải gửi bản gốc đến sau bằng dịch vụ bưu điện với bưu phí đã được trả trước. Thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin phải được gửi tới các địa chỉ sau:

- a) Bên bán: Tổng giám đốc, _____,
_____, _____, Việt Nam;
- b) Bên mua: _____,
_____, Việt Nam

c) Trong các thông báo, kể cả thông báo chỉ định bên cho vay, các bên có thể nêu rõ địa chỉ người gửi hoặc người nhận khác theo hình thức quy định tại Khoản này.

d) Mỗi thông báo, hoá đơn hoặc các loại trao đổi thông tin khác được gửi bằng thư, giao nhận và truyền tin theo các cách trên được xem là đã được giao và nhận tại thời điểm chúng được giao tới địa chỉ người nhận hoặc tại thời điểm bị từ chối nhận bởi bên nhận với địa chỉ nêu trên.

8. Bảo mật

Bên mua đồng ý bảo mật các thông tin của nhà máy trong phụ lục Hợp đồng, trừ trường hợp các thông tin này đã được Bên bán hoặc Tổng cục Năng lượng công bố trước đó.

Điều 10. Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện Hợp đồng này như sau:

1. Mỗi bên được thành lập hợp pháp để hoạt động kinh doanh tại Việt Nam;
2. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này của mỗi bên được thực hiện đúng theo điều kiện và nội dung của Giấy phép hoạt động điện lực do cơ quan có thẩm quyền cấp và các quy định của pháp luật có liên quan;
3. Các bên không có hành vi pháp lý hoặc hành chính ngăn cản hoặc làm ảnh hưởng bên kia thực hiện Hợp đồng này;
4. Hợp đồng này quy định nghĩa vụ hợp pháp và bắt buộc đối với các bên theo các nội dung của Hợp đồng;

5. Việc ký kết và thực hiện của một bên trong Hợp đồng này không vi phạm với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng khác hoặc là một phần văn bản của một Hợp đồng khác mà bên đó là một bên tham gia.

Hợp đồng này được lập thành mười (10) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ bốn (04) bản, Bên bán có trách nhiệm gửi một (01) bản Hợp đồng mua bán điện tới Tổng cục Năng lượng và một (01) bản tới Cục Điều tiết điện lực.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Chức danh)

(Đóng dấu và chữ ký)

(Họ tên đầy đủ)

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
(Chức danh)

(Đóng dấu và chữ ký)

(Họ tên đầy đủ)

Phụ lục A
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN
(Kèm theo Hợp đồng số ...ngày ... tháng ... năm...)

Phần A. Các thông số chung

1. Tên nhà máy điện: _____
2. Địa điểm nhà máy điện: _____
3. Công suất định mức: _____ kW
4. Công suất bán cho Bên mua: tối thiểu _____ kW; tối đa _____ kW
5. Công suất tự dùng của nhà máy điện: tối thiểu _____ kW; tối đa _____ kW
6. Điện năng sản xuất hàng năm dự kiến: _____ kWh
7. Ngày hoàn thành xây dựng nhà máy điện: _____
8. Ngày vận hành thương mại dự kiến của nhà máy điện: _____
9. Điện áp phát lên lưới phân phối: _____ V
10. Điểm đấu nối vào lưới phân phối: _____
11. Điểm đặt thiết bị đo đếm: _____

Phần B. Thông số vận hành của công nghệ cụ thể

1. Công nghệ phát điện (turbine, máy phát, cánh quạt, cột tháp):
2. Đặc tính vận hành thiết kế: _____
3. Tốc độ gió trung bình/tháng: _____
4. Đồ thị phân bố năng lượng gió và thời gian không có gió phát điện thương mại:

Phụ lục B
YÊU CẦU ĐẦU NỐI HỆ THỐNG

(Kèm theo Hợp đồng số ...ngày ... tháng ... năm...)

(Được áp dụng riêng lẻ cho từng dự án phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật của dự án, bao gồm sơ đồ một sợi của thiết bị đầu nối, và liệt kê đặc điểm của hệ thống đo đếm, điện áp)

Phụ lục C
HỆ THỐNG ĐO ĐẾM VÀ THU THẬP SỐ LIỆU
(Kèm theo Hợp đồng số ...ngày ... tháng ... năm...)

I. Vị trí lắp đặt và tính năng của hệ thống đo đếm

1. Vị trí lắp đặt Hệ thống đo đếm:

Hệ thống đo đếm chính và Hệ thống đo đếm dự phòng được lắp đặt tại Nhà máy điện theo thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hệ thống đo đếm điện tại văn bản số ... của (là phụ lục của Hợp đồng).

2. Tính năng của Hệ thống đo đếm phải phù hợp với quy định tại Thông tư quy định đo đếm điện năng do Bộ Công Thương ban hành.

II. Yêu cầu kỹ thuật của hệ thống đo đếm

Các yêu cầu kỹ thuật của thiết bị đo đếm, yêu cầu kỹ thuật mạch đo đếm, biện pháp niêm phong kẹp chì và yêu cầu về hệ thống thu thập và đọc số liệu công tơ phải phù hợp với quy định tại Thông tư quy định đo đếm điện năng do Bộ Công Thương ban hành

III. Vị trí đo đếm

Hai bên thống nhất sử dụng các vị trí đo đếm hiện tại của Nhà máy điện như sau:

Cụm tổ máy	Hệ thống đo đếm chính	Hệ thống đo đếm dự phòng
	[...]	[...]
[...]	[...]	[...]
	[...]	[...]

IV. Phương thức xác định sản lượng điện giao nhận

1. Vào ngày mùng một (01) hàng tháng, đại diện hợp pháp của hai Bên sẽ cùng thực hiện chốt chỉ số công tơ và lập biên bản xác nhận chỉ số công tơ tại thời điểm 0h00 ngày mùng một (01) và lượng điện năng giao nhận hàng tháng của tháng trước liền kề.

a) Sản lượng điện Bên bán giao cho Bên mua trong tháng thanh toán được tính theo công thức:

$$A_G = \sum_{i=1}^n A_{G_i}$$

Trong đó:

A_{G_i} : Lượng điện năng theo chiều giao tại điểm đo đếm i của hệ thống đo

đếm chính tương ứng trong tháng;

A_G : Lượng điện năng Bên mua thanh toán cho Bên bán trong tháng thanh toán, (kWh).

b) Sản lượng điện Bên bán nhận từ hệ thống điện quốc gia trong tháng thanh toán được tính theo công thức:

$$A_N = \sum_{i=1}^n A_{N_i}$$

Trong đó:

A_{N_i} : Lượng điện năng theo chiều nhận tại điểm đo đếm i của hệ thống đo đếm chính tương ứng trong tháng;

A_N : Lượng điện năng Bên bán thanh toán cho [Công ty điện lực ...] theo biểu giá bán điện cho các khách hàng công nghiệp theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (kWh).

Phụ lục D

TIỀN ĐIỆN THANH TOÁN

Hàng tháng Bên mua thanh toán cho Bên bán toàn bộ lượng điện năng mua bán trong tháng theo giá điện quy định tại khoản 2 Điều 2 theo công thức sau:

$$Q = 0,078 * F * A_g * (1+t)$$

Trong đó:

- Q là tổng tiền điện thanh toán của Bên mua cho Bên bán (đồng);
- A_G là điện năng mua bán hàng tháng;
- F là tỷ giá hối đoái đồng/USD (tỷ giá bán) của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán (đồng/USD).
- t là thuế suất thuế giá trị gia tăng (%).
- Chỉ số 0,078 là hệ số điều chỉnh giá mua điện theo biến động của tỷ giá đồng/USD tương đương 7,8Uscents/kWh theo quy định tại Quyết định 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ các dự án điện gió.